

Số: 403/ĐHBK-ĐTSDH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2022

THÔNG BÁO

TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2022

Căn cứ QĐ số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04/02/2021 của Đại học Quốc gia Tp. HCM về việc ban hành "Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ" và quyết định số 1736/QĐ-ĐHQG ngày 29/12/2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tuyển sinh số 113/QĐ-ĐHQG;

Trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh xin trân trọng thông báo kế hoạch tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2022 như sau:

1. HÌNH THỨC TUYỂN SINH:

Gồm các hình thức: Tuyển thẳng, Xét tuyển, Kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển, Thi tuyển.

1.1. Ứng viên thuộc diện “Tuyển thẳng”:

Là người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) trong hệ thống Đại học quốc gia có ngành đúng với ngành đăng ký tuyển thẳng và có năng lực ngoại ngữ theo quy định hiện hành, gồm:

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy (hoặc trình độ tương đương trở lên) với chương trình đào tạo từ 150 tín chỉ trở lên;
- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10);
- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học là thủ khoa của ngành;
- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học đạt giải 1,2,3 các kỳ thi Olympic sinh viên trong nước và ngoài nước.

Thời gian tính từ ngày ký văn bằng tốt nghiệp hoặc quyết định công nhận tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ đăng ký tuyển thẳng tối đa là 24 tháng.

1.2. Ứng viên thuộc diện “Xét tuyển”:

Là người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học ngành đúng, ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển và đạt điều kiện ngoại ngữ theo quy định hiện hành, gồm:

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học các chương trình đạt chuẩn kiểm định hoặc đánh giá theo các bộ tiêu chuẩn trong nước, khu vực và quốc tế như AUN-QA, AACSB, ACBSP, ABET, EUR-ACE, FIBAA, CTI;
- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy từ các cơ sở đào tạo đạt chuẩn kiểm định hoặc đánh giá theo các bộ tiêu chuẩn khu vực và



quốc tế như AUN-QA, HCERES có điểm trung bình tích lũy từ 7.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10);

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp chương trình kỹ sư, cử nhân tài năng của Đại học Quốc gia;

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo ở một số trường đại học của Việt Nam, có điểm trung bình tích lũy từ 7.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10);

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học chính quy ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 điểm trở lên (theo thang điểm 10);

- Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học là tác giả chính hoặc tác giả liên hệ của tối thiểu 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục Web of Science/Scopus hoặc bài báo đăng trong Hội nghị thuộc danh mục Scopus. Cách ghi công bố quốc tế theo quy định hiện hành của ĐHQG-HCM;

- Sinh viên các ngành đào tạo liên thông trình độ đại học lên trình độ thạc sĩ của ĐHQG-HCM;

- Người tốt nghiệp đại học và có chứng chỉ quốc tế GMAT (Graduate Management Admission Test), GRE (The Graduate Record Examination) hoặc đạt kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM còn trong thời gian hiệu lực;

- Người nước ngoài.

Thời gian tính từ ngày ký văn bằng tốt nghiệp hoặc quyết định công nhận tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển tối đa là 24 tháng.

1.3. Ứng viên thuộc diện “Thi tuyển tự luận, trắc nghiệm”

Là người tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành gần, ngành khác với ngành dự tuyển, được áp dụng cho các ngành dự thi sau: Công nghệ thông tin, Kỹ thuật xây dựng công trình biển, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, Khoa học tính toán.

1.4. Ứng viên thuộc diện “Xét tuyển kết hợp với Thi tuyển”:

Là người tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành gần, ngành khác với ngành dự tuyển. Hình thức tuyển sinh kết hợp xét tuyển và thi tuyển dưới hình thức phỏng vấn được áp dụng cho các ngành không nằm trong danh mục thi tuyển.

2. THỜI GIAN VÀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

2.1. Thời hạn đăng ký tham gia dự tuyển:

- Đợt 1: 15/6/2022.
- Đợt 2: 31/10/2022.

Đối với các ứng viên có đăng ký dự thi môn Tiếng Anh, vui lòng đăng ký trước ngày hết hạn nhận hồ sơ 02 tuần.

2.2. Hồ sơ đăng ký dự tuyển:

- Ứng viên đăng ký dự tuyển trực tuyến tại Cổng thông tin đào tạo SĐH của Trường: http://grad.hcmut.edu.vn/hv/dang_ky_thi_sau_dai_hoc.php.

- Sau khi đăng ký dự tuyển trực tuyến, ứng viên dự tuyển nộp hồ sơ dự thi gồm:
 - + 02 bản photo văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ (theo quy định tại Phụ lục 1) còn hiệu lực tính đến ngày nộp hồ sơ.
 - + 02 bản sao công chứng bằng tốt nghiệp Đại học; 02 bản sao công chứng bằng điểm đại học.
 Đối với ứng viên có văn bằng tốt nghiệp đại học nước ngoài, phải có bản dịch thuật văn bằng và bằng điểm sang tiếng Việt và có văn bản công nhận của “Cục khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục”.
 - + Đối với ứng viên chưa có bằng tốt nghiệp đại học, phải nộp Giấy cam kết bổ sung bằng tốt nghiệp đại học trước ngày Trường ra quyết định công nhận trúng tuyển trình độ thạc sĩ.
 - + 02 bản sao bằng điểm các môn học chuyển đổi, bổ túc kiến thức (nếu có).
 - + Phiếu đăng ký dự thi có dán kèm 2 ảnh 3x4 (in từ hệ thống), Lý lịch khoa học (in từ hệ thống, có đóng dấu xác nhận của địa phương hoặc cơ quan công tác), Phiếu khám sức khỏe (bản gốc hoặc photo công chứng).
 - + Giấy chứng nhận đối tượng chính sách (nếu có).
 - + Bài luận cá nhân giới thiệu về bản thân, mục đích học tập, kỹ năng, kinh nghiệm công tác (dành cho ứng viên tham gia hình thức xét tuyển và hình thức kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển).
 - + Thư giới thiệu của giảng viên hoặc người quản lý (dành cho ứng viên tham gia hình thức kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển).

3. LỆ PHÍ THI TUYỂN

- Lệ phí tuyển thẳng: 500.000 đồng/ hồ sơ
- Lệ phí xét tuyển: 600.000 đồng/ hồ sơ
- Lệ phí kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển: 1.000.000 đồng/ hồ sơ
- Lệ phí thi tuyển: 1.200.000 đồng/ hồ sơ
- Lệ phí thi tuyển môn Tiếng Anh: 500.000 đồng (đối với ứng viên phải thi môn Tiếng Anh)

4. ÔN TẬP MÔN TIẾNG ANH

Lớp Ôn tập môn Tiếng Anh dự kiến khai giảng vào tháng 5 và tháng 10.

Học phí ôn tập: 1.500.000 đồng/ tín chỉ. Số tín chỉ ôn tập môn Tiếng Anh: 3 tín chỉ

5. HỌC PHÍ CAO HỌC

Học viên thạc sĩ sẽ đóng học phí theo năm học, mức thu là 15.000.000 đồng/ học kỳ.

Học viên sẽ được Trường xem xét giảm học phí khi đăng ký ít hơn số tín chỉ định mức.

Mức giảm	Số tín chỉ đăng ký/ học kỳ
25 %	≤ 12
50 %	≤ 8
75 %	≤ 4

Nhà Trường sẽ có thông báo mức thu học phí cụ thể cho từng năm học, từng học kỳ.

6. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỜI GIAN ĐÀO TẠO

6.1 Thời gian đào tạo: 1,5 – 2,0 năm

6.2 Chương trình đào tạo:

- Thạc sĩ nghiên cứu, phù hợp cho những thí sinh đang làm việc tại các trường đại học, viện nghiên cứu có nguyện vọng học tiếp trình độ tiến sĩ. Thời lượng phân bổ tập trung nhiều vào nghiên cứu và thực hiện luận văn. Kết quả nghiên cứu được trình bày trong bài báo khoa học về kết quả luận văn thạc sĩ do học viên là tác giả chính.
- Thạc sĩ định hướng ứng dụng, phù hợp cho những thí sinh đang công tác tại các doanh nghiệp, nhà máy... Các lớp học được tổ chức giảng dạy ngoài giờ hành chính (vào buổi tối trong tuần, ngày thứ bảy và chủ nhật).

7. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ được công nhận đạt chuẩn đầu vào trình độ thạc sĩ được trình bày ở Phụ lục 1.

Tên các chương trình đào tạo của Trường Đại học Bách khoa đạt chứng nhận kiểm định được trình bày ở Phụ lục 2.

Danh mục 40 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ được trình bày tại Phụ lục 3.

Tiêu chí đánh giá thí sinh được trình bày tại Phụ lục 4.

Danh mục ngành đúng, ngành gần; Đề cương đánh giá chuyên môn vui lòng tham khảo tại Cổng thông tin đào tạo sau đại học của Trường theo địa chỉ: <http://pgs.hcmut.edu.vn/vi/tuyen-sinh/thac-si>.

*Để biết thêm chi tiết vui lòng xem thông báo tại địa chỉ:
Phòng Đào tạo SDH (P.115, nhà B3) Trường Đại học Bách Khoa
268 Lý Thường Kiệt, P. 14, Q.10, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: 028-38637318. Hotline: 0766 780 247
Email: sdh@hcmut.edu.vn. Website: <http://www.pgs.hcmut.edu.vn>*

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Thông tin trên Web;
- Ban Đào tạo, ĐHQG (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

**KT-HIỆU TRƯỞNG
PHÓ-HIỆU TRƯỞNG**



Trần Thiên Phúc

PHỤ LỤC 1

VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ, CHỨNG NHẬN ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN TRÌNH ĐỘ B1 VÀ B2

(Kèm thông báo số: 403 /ĐHBK-ĐTSDH ngày 18 tháng 4 năm 2022)

(Cập nhật theo Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04 tháng 02 năm 2021 và Quyết định số 1736/QĐ-ĐHQG ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Chứng chỉ hoặc chứng nhận được công nhận ngoại ngữ đầu vào trình độ thạc sĩ và tiến sĩ theo khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam.

Chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào tối thiểu đạt bậc 3/6 (tương đương B1 theo CEFR) đối với trình độ thạc sĩ; đạt tối thiểu đạt bậc 4/6 (tương đương B2 theo CEFR) đối với trình độ tiến sĩ trong thời hạn 02 năm từ ngày tính từ ngày cấp chứng chỉ cho đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM cho phép/công nhận.

STT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ	Thang điểm tối thiểu	
			Bậc 3	Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30	46
2		IELTS	4.0	5.5
3		TOEIC	Nghe: 275; Đọc: 275; Nói: 120; Viết: 120.	Nghe: 400; Đọc: 385; Nói: 160; Viết: 150.
4		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm : 160
5		TOEFL ITP	450	Không áp dụng
		Chứng chỉ/Chứng nhận ngoại ngữ của các CSĐT được ĐHQG-HCM phê duyệt	Áp dụng	Không áp dụng
6		Chứng chỉ ngoại ngữ của CSĐT được Bộ GD&ĐT công nhận	Áp dụng	Không áp dụng
7	VNU-EPT	201	Không áp dụng	
8	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300 Văn bằng DALF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
9	Tiếng Đức	Goethe -Institut TestDaF	Goethe- Zertifikat B1 TestDaF Bậc 3	Goethe- Zertifikat B2
10	Tiếng Trung	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
11	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	JLPT N4	JLPT N3
12	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2
13	Tiếng Hàn	TOPIK	TOPIK Level 3	TOPIK Level 4

2. Các trường hợp khác

a) Người dự tuyển là công dân Việt Nam được miễn đánh giá năng lực ngoại ngữ khi có một trong những minh chứng sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc chương trình kỹ sư chất lượng cao Việt Pháp (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng, có bằng tốt nghiệp các chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh không qua phiên dịch được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài là Anh, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn.

b) Người dự tuyển là công dân nước ngoài, lưu học sinh Hiệp định (là người nước ngoài được tiếp nhận học tập tại Việt Nam và được Chính phủ Việt Nam cấp học bổng theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên) nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu của một trong các chứng chỉ ngoại ngữ nêu trên. Trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ thì được miễn yêu cầu về ngoại ngữ.



Á
C
1
CH
7

**Phụ lục 2. TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA**

(Kèm thông báo số: 403 /ĐHBK-ĐTSDH ngày 18 tháng 4 năm 2022)

1. Đạt kết quả kiểm định cấp trường của 03 tổ chức:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- HCERES.
- AUN-QA.

2. Đạt kết quả kiểm định cấp chương trình:

Tổ chức kiểm định	Tên chương trình đại học đạt chứng nhận
ABET	1. Khoa học máy tính
	2. Kỹ thuật máy tính
AUN	1. Điện tử - Viễn thông
	2. Kỹ thuật Chế tạo
	3. Kỹ thuật xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
	4. Kỹ thuật Hóa học
	5. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
	6. Quản lý công nghiệp
	7. Kỹ thuật Điện-Điện tử (Chương trình tiên tiến)
	8. Kỹ thuật hệ thống công nghiệp
	9. Cơ kỹ thuật
	10. Điện – Điện tử (tất cả các CTĐT của Khoa Điện-Điện tử)
	11. Kỹ thuật Môi trường
	12. Kỹ thuật Xây dựng
	13. Kỹ thuật Nhiệt
	14. Kỹ thuật điện tử (CTĐT trình độ thạc sĩ)
	15. Kỹ thuật viễn thông (CTĐT trình độ thạc sĩ)
CTI	1. Cơ Điện tử
	2. Kỹ thuật Hàng không
	3. Vật liệu tiên tiến
	4. Polime - Composite
	5. Viễn thông
	6. Hệ thống Năng lượng
	7. Xây dựng dân dụng và năng lượng
IFT	Công nghệ Thực phẩm
FIBAA	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (chuyên ngành tư vấn quản lý quốc tế - EMBA-MCI)
ACBSP, AMBA, IACBE	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (Maastricht School of Management-MSM)

Phụ lục 3. DANH MỤC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm thông báo số: 403 /ĐHBK-ĐTSDH ngày 18 tháng 4 năm 2022)

TT	Mã số	Tên ngành	Khoa quản lý ngành
1.	8340101	Quản Trị Kinh Doanh	Quản lý công nghiệp
2.	8340402	Chính sách công	Môi trường và Tài nguyên
3.	8340405	Hệ Thống Thông Tin Quản Lý	Khoa học & Kỹ thuật máy tính
	8349001	Quản trị bệnh viện (Dự kiến mở từ năm 2022)	Quản lý công nghiệp
4.	8420201	Công Nghệ Sinh Học	Kỹ thuật hóa học
5.	8440214	Bản Đồ, Viễn Thám Và Hệ Thông Tin Địa Lý	Kỹ thuật xây dựng
6.	8460112	Toán Ứng Dụng	Khoa học ứng dụng
7.	8460107	Khoa Học Tính Toán	Khoa học ứng dụng
8.	8480101	Khoa Học Máy Tính	Khoa học & Kỹ thuật máy tính
9.	8480201	Công nghệ thông tin	Khoa học & Kỹ thuật máy tính
10.	8510602	Quản Lý Năng Lượng	Điện – Điện tử
11.	8520101	Cơ Kỹ Thuật	Khoa học ứng dụng
12.	8520103	Kỹ Thuật Cơ Khí	Cơ khí
13.	8520114	Kỹ Thuật Cơ Điện Tử	Cơ khí
14.	8520115	Kỹ Thuật Nhiệt	Cơ khí
15.	8520116	Kỹ Thuật Cơ Khí Động Lực	Kỹ thuật giao thông
16.	8520117	Kỹ Thuật Công Nghiệp	Cơ khí
17.	8520120	Kỹ Thuật Hàng Không	Kỹ thuật giao thông
18.	8520201	Kỹ Thuật Điện	Điện – Điện tử
19.	8520203	Kỹ Thuật Điện Tử	Điện – Điện tử
20.	8520208	Kỹ Thuật Viễn Thông	Điện – Điện tử
21.	8520216	Kỹ Thuật Điều Khiển Và Tự Động Hóa	Điện – Điện tử
22.	8520301	Kỹ Thuật Hóa Học	Kỹ thuật hóa học
23.	8520305	Kỹ Thuật Hóa Dầu và Lọc dầu	Kỹ thuật hóa học
24.	8520309	Kỹ Thuật Vật Liệu	Công nghệ vật liệu
25.	8520320	Kỹ Thuật Môi Trường	Môi trường và Tài nguyên

TT	Mã số	Tên ngành	Khoa quản lý ngành
26.	8520401	Vật Lý Kỹ Thuật	Khoa học ứng dụng
27.	8520501	Kỹ Thuật Địa Chất	Kỹ thuật Địa chất – Dầu khí
28.	8520503	Kỹ Thuật Trắc Địa - Bản Đồ	Kỹ thuật xây dựng
29.	8520604	Kỹ Thuật Dầu Khí	Kỹ thuật Địa chất – Dầu khí
30.	8540101	Công Nghệ Thực Phẩm	Kỹ thuật hóa học
31.	8540204	Công Nghệ Dệt, may	Cơ khí
32.	8580201	Kỹ Thuật xây dựng	Kỹ thuật xây dựng
33.	8580202	Kỹ Thuật Xây Dựng Công Trình Thủy	Kỹ thuật xây dựng
34.	8580203	Kỹ Thuật Công Trình Biển	Kỹ thuật xây dựng
35.	8580204	Kỹ Thuật Xây Dựng Công Trình Ngầm	Kỹ thuật xây dựng
36.	8580205	Kỹ Thuật Xây Dựng Công Trình Giao Thông	Kỹ thuật xây dựng
37.	8580211	Địa kỹ thuật xây dựng	Kỹ thuật xây dựng
38.	8580212	Kỹ Thuật Tài Nguyên Nước	Kỹ thuật xây dựng
39.	8580302	Quản lý xây dựng	Kỹ thuật xây dựng
40.	8850101	Quản Lý Tài Nguyên Và Môi Trường	Môi trường và Tài nguyên

Danh sách gồm 40 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ./

Phụ lục 4. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THÍ SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ DIỆN XÉT TUYỂN KẾT HỢP THI TUYỂN

(Kèm thông báo số: 404 /ĐHBK-ĐTSDH ngày 18 tháng 4 năm 2022)

Tiểu ban chuyên môn xét tuyển gồm 02 bước:

1. Tiểu ban chuyên môn xem xét đánh giá hồ sơ của thí sinh: văn bằng đại học, bảng điểm đại học, lý lịch cá nhân, bài luận, thư giới thiệu, ...
2. Các thành viên Tiểu ban chuyên môn phỏng vấn trực tiếp thí sinh và đánh giá nội dung trả lời.

Các câu hỏi có nội dung nằm trong “Đề cương đánh giá chuyên môn” kỳ thi tuyển sinh Cao học của ngành tuyển sinh được công bố tại địa chỉ: <http://pgs.hcmut.edu.vn/vi/tuyen-sinh/thac-si>.

Điểm được đánh giá trên thang điểm 10 gồm những tiêu chí sau:

TT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM TỐI ĐA
A. XÉT HỒ SƠ THÍ SINH		5.0
A1	Tốt nghiệp từ các cơ sở đào tạo uy tín ở Việt Nam và thế giới	1.0
A2	Bảng điểm đại học của thí sinh	1.0
A3	Lý lịch (CV) của thí sinh	1.0
A4	Bài luận cá nhân của thí sinh	1.0
A5	Thư giới thiệu của người quản lý, Thầy/Cô hướng dẫn	1.0
B. ĐÁNH GIÁ TRỰC TIẾP		5.0
B1	Kiến thức chuyên môn của thí sinh	3.0
B2	Kinh nghiệm, kỹ năng làm việc trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến ngành học	1.0
B3	Khả năng nghiên cứu độc lập, thực hiện các dự án có tính chuyên sâu	1.0
TỔNG CỘNG		10

3